TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 458/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 09-4-2020
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Cao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhanh

2. Ông Nguyễn Thành Thông

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Cao Hoàng Thắng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 681/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2587/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Võ Ngọc T1, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Phường Q, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông Nguyen T2, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: Dr New Port Richey, FL 34652, USA.

Bà Lê Võ Ngọc T1đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/11/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Lê Võ Ngọc T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyen T2 quen biết và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 159 ngày 24/10/2016. Sau khi kết hôn, ông T2 quay về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, còn bà vẫn ở lại Việt Nam. Do xa cách địa lý nên hai bên không có điều kiện quan tâm, chăm sóc cho nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Từ đầu năm 2017 đến nay, bà và ông T2 đã không còn liên lạc với nhau. Bà xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyen T2.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Vì bận việc, bà đề nghị được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn là ông Nguyen T2, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã triệu tập hợp lệ: Tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày, giờ và địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông T2 có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà Thảo khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo văn bản ủy thác tư pháp số 331/TTTPDS-TA30 ngày 11/6/2019). Tuy nhiên, Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ đã không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên. Ngày 29/10/2019, Tòa án có Công văn số 786/TAND-TGĐVNCTN đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ hỗ trợ tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyen T2 để thông báo ngày, giờ, địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa đối với ông Trung. Theo đó, Đại sứ quán đã gửi thông báo và hồ sơ cho đương sự, đồng thời niêm yết tại trụ sở Đại sứ quán kể từ ngày 23/12/2019. Nhưng đến nay, ông T2 vẫn không có văn bản phản hồi cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về địa vị tố tụng và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về nội dung, Kiểm sát viên phân tích yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn bị đơn là phù hợp và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Lê Võ Ngọc T1, Hội đồng xét xử nhận thấy bà Thảo và ông Nguyen T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn là ông Nguyen T2 hiện cư trú tại Hoa Kỳ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu cung cấp bản khai; thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến thời điểm xét xử Tòa án vẫn không nhận được phản hồi của bị đơn. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228; khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của bà Lê Võ Ngọc T1 được ly hôn ông Nguyen T2, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà T1 (bà T1 cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai của bà) thì thực tế sau khi kết hôn bà T1 và ông Nguyen T2 chung sống không hạnh phúc. Từ khi kết hôn cho đến nay, bà T1 và ông Nguyen T2 không có quá trình chung sống lâu dài, do xa cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà T1 và ông Nguyen T2 đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy bà T1 yêu cầu ly hôn với ông Nguyen T2 là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà T1 khai không có, Tòa án không xem xét.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà Lê Võ Ngọc T1 được ly hôn với ông Nguyen T2 là phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Lê Võ Ngọc T1 chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Võ Ngọc T1.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Võ Ngọc T1 được ly hôn với ông Nguyen T2.

Giấy chứng nhận kết hôn số 159 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/10/2016 cho bà Lê Võ Ngọc T1 và ông Nguyen T2 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Lê Võ Ngọc T1 khai không có, Tòa không xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Lê Võ Ngọc T1 chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà T1 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0045940 ngày 02/01/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T1 đã nộp đủ tiền án phí.

3. Bà Lê Võ Ngọc T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Ông Nguyen T2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND quận Tân Bình, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Cao